

Số: 109/2020/QĐST- HNGĐ

Văn Bàn, ngày 11 tháng 9 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 104/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn XH, xã V L, huyện VB, tỉnh LC.

Nơi ở hiện nay: Thôn VX, xã V L, huyện VB, tỉnh LC.

Bị đơn: Anh Doãn Văn H, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn XH, xã V L, huyện VB, tỉnh LC.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H và anh Doãn Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Doãn Văn H.

+ Về con: Anh Doãn Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Doãn Diệp Á, sinh ngày 19/10/2010 và cháu Doãn Phương L, sinh ngày 27/11/2012 đến khi cháu Á, cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Doãn Văn H theo định kỳ nuôi cháu Doãn Phương L mỗi tháng 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

+ Về án phí:

Chị Trần Thị H nhận chịu toàn bộ 150.000^d tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000^d tiền án phí cấp dưỡng theo định kỳ. Tổng cộng là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) nhúng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AB/2012/0007130 ngày 30/7/2020 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Văn Bàn. Chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Anh Doãn Văn H không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7.7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn (02);
- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H(01);
- Bị đơn: Anh Doãn Văn H(01);
- Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn(01);
- UBND xã Văn Sơn (Võ Lao) (01);
- Lưu VP. TAND(02);
- Lưu Hồ sơ(02);

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Lụa